

TRAO ĐỔI

VỀ HAI CHIẾC NGHIÊN MỰC QUÝ CỦA VUA THIỆU TRỊ VÀ TỰ ĐỨC

Nguyễn Duy Chính*

Lời Tòa soạn: Ngoài đam mê sử học, tác giả Nguyễn Duy Chính còn là một cây bút tài hoa với nhiều bài viết hấp dẫn về cổ vật và các thú vui tao nhã của người xưa. Bài viết dưới đây nguyên là phần phụ lục trong một biên khảo công phu của ông về nghiên mực – một trong bốn món Văn phòng tứ bảo (bút, nghiên, giấy, mực) của giới tao nhân mặc khách.

Về chiếc nghiên Túc Mặc Hâu của vua Tự Đức, hầu hết các nhà nghiên cứu trước đây đều cho rằng chỉ có một chiếc duy nhất. Trong bài này, căn cứ vào các nguồn sử liệu có liên quan, tác giả Nguyễn Duy Chính đã đưa ra một giả thuyết thú vị: Thời Nguyễn có hai chiếc nghiên cùng mang tên Túc Mặc Hâu, một chiếc làm từ ngói cung Vị Ương của vua Thiệu Trị, và một làm bằng đá Đoan Khê của vua Tự Đức. Cả hai chiếc nghiên quý ấy, tiếc thay, đều đã thất lạc. Mong rằng ý kiến của tác giả Nguyễn Duy Chính sẽ được bạn đọc quan tâm trao đổi, để mọi người có dịp hiểu rõ hơn về những món cổ vật quý báu của tiền nhân, ít nhất là qua hình ảnh và chữ nghĩa còn lưu lại trong sử sách. Và biết đâu, câu chuyện có thể dẫn đến một cái kết tốt đẹp để “châu về Hợp Phố”.

I. Nghiên vị ương (未央硯)

Trong chương 26 của tác phẩm *Hơn nửa đời hư* (Calif. Văn nghệ. 1995) cụ Vương Hồng Sển, một tác giả nổi tiếng trong giới sưu tầm sách vở và cổ ngoạn, có đăng lại bài viết của cố giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu (nguyên bản từ tuần báo *Nhân loại*, số Xuân năm Kỷ Hợi, 1959), nhan đề “Sự tích một cái nghiên xưa”. Bài báo này đề cập đến việc có người dâng chiếc nghiên Túc Mặc Hâu lên vua Thiệu Trị căn cứ trên những chi tiết dựa theo *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đệ Tam kỷ*, quyển XXV, *Hiển Tổ Chương Hoàng Đế*. Sau đây là nguyên văn trong sách (tr. 521-523):

SỰ TÍCH MỘT CÁI NGHIÊN XƯA

Ở viện bảo tàng tại đế đô (Huế) có một cái nghiên. Ông coi viện rất lấy làm vinh hạnh, khi có một người lạ đến thăm viện, để cho ông được dịp chỉ cho xem một cái nghiên xưa, mà ta thường gọi là nghiên của vua Tự Đức.

Tôi đã có nhiều dịp vào Huế để nhìn cái nghiên này.

Đã biết bao báu phẩm của ta bị mất.

Còn lại cái nghiên này.

* California, Hoa Kỳ.

Tra trong sử, ta thấy một sử liệu về cái nghiên lịch sử này.

Tôi xin sao sử liệu ấy ra đây.

Năm Nhâm Dần (năm thứ hai triều vua Thiệu Trị - 1842) tháng mười, có người dâng cái nghiên xưa.

Dài bảy tấc bốn phân, rộng bốn tấc bảy phân, dày năm phân.

Chất bền mà láng bóng, kiểu xưa mà đơn sơ.

Rõ ràng một phiên “ngôi âm dương” mà người xưa đã nhân hình dạng, đục ra chỗ chứa nước, chỗ mài mực.

Đầu nghiên có khắc bài minh rằng:

- “1. Kỳ sắc ôn nhuận,*
- 2. Kỳ chế cổ phác,*
- 3. Hà dĩ trí chi,*
- 4. Thạch Cừ bí các,*
- 5. Cải phong Tức Mặc,*
- 6. Lan đài liệt tước,*
- 7. Vĩnh nghi bửu chi,*
- 8. Thơ hương thị thác.”⁽¹⁾*

Bài thơ bằng chữ Hán đó khó dịch lắm. Có những chữ không có thể dịch được. Đại khái nghĩa bài thơ như sau đây:

- 1. Sắc nghiên ôn nhuận,*
- 2. Kiểu nghiên cổ phác,*
- 3. Nên đặt chỗ nào?*
- 4. Thạch Cừ bí các,*
- 5. Tức Mặc đổi phong,*
- 6. Lan đài dự tước,*
- 7. Quý báu đời đời,*
- 8. Thơ hương phú thác.*

Bài minh bằng chữ Hán đã được các quan bộ Học dịch như trên.

Có một điển tích, ấy là đời xưa phong cái nghiên là Tức Mặc Hầu. Tức Mặc là tên đất, mà nghĩa chánh, tức là tới, mặc là mực. Vậy nên đời xưa, nhân tên đất mà phong hầu cho cái nghiên, lại có ý riêng là cái đựng mực. Lan đài là nơi làm sách. Nơi ấy phải cần nghiên bút.

Nghiên là Tức Mặc Hầu,

Bút là Quản Thành Tử.

Nghiên và bút đều được dự tước trong Lan đài cả.

Sau bài minh đã dẫn ở trên, ông Tô Thức xưa có khắc hai cái ấn.

Một cái khắc hai chữ “Kỳ trân”, nghĩa là quý lạ.

Một cái khắc hai chữ “Tàng bửu” nghĩa là báu kín.

Ông Tô Thức là một vị hay chữ đời Tống.

Sau lưng nghiên có khắc bốn chữ “Thạch Cừ các ngỗ”, nghĩa là ngỗ ở nơi các Thạch Cừ.

Dưới, lạc khoản mấy chữ rằng: “Nghiên này chế tại tháng tám, năm thứ ba, hiệu Nguyên Phù”.

Ngài truyền đem nghiên ấy dâng vào sở Kinh diên.

Rồi ngài truyền Nội các như sau này: (Ta đừng quên rằng ngài Thiệu Trị rất hay chữ): “nghiên này là nghiên các Thạch Cừ” xưa.⁽²⁾

Nguyên các ấy từ Tiêu Hà lập ra để chứa đồ tịch. Đến năm thứ ba, hiệu Cam Lộ, vua Tuyên Đế nhà Hán, hội các nho thần giảng kinh tại đó.

Từ năm thứ ba hiệu Cam Lộ đến năm thứ ba hiệu Nguyên Phù đời Triết Tôn nhà Tống, Tô Thức mới được phiên ngỗ ấy, làm thành nghiên, cả thấy một ngàn một trăm bốn mươi chín năm (1149).^()*

Từ khi ấy đến nay, lại được hơn bảy trăm bốn mươi năm nữa (740). Thời nghiên này gốc tích là đời Hán, làm thành ở đời Tống, mà xuất hiện ra đời nay, thiệt là một vật báu về việc hàn mặc.

Bây giờ cách sau Hán Tống đến hơn hai ngàn năm mà văn minh thịnh hội cũng như Hán Tống trước, há chẳng phải là vật quý báu Trời Đất để dành, đợi thời mới bày tỏ ra hay sao ?

Trong đạo chuộng văn, khác thời thế, mà chung một vật báu, đời nay cùng đời Hán Tống xưa, chừng có cơ duyên khế hiệp với nhau chăng ?

Âu Dương Tu đời Tống xưa có câu rằng: “Ai ưng vật gì thời vật ấy thường tụ hội tới”. Nghĩa là vậy đó.

Trên đây tôi sao nguyên văn một sử liệu trong bộ Chánh biên.

Một câu hỏi được đặt ra: “Ai đã dâng nghiên xưa này lên ngài Thiệu Trị ?”.

^(*) Từ năm thứ 3 niên hiệu Cam Lộ của Hán Tuyên Đế (năm 51 TCN) đến năm thứ 3 niên hiệu Nguyên Phù (1100 SCN) chính xác là 1151 năm. BT.

Phải chăng là một người Tàu ? Người này đã biết giá trị của cái nghiên và đã biết đem dâng cái nghiên ấy lên nhà vua.

Vua Tự Đức đã thường dùng cái nghiên đó. Thực là một quốc bảo, còn giữ được đến bây giờ, cũng là một sự lạ, vì chưa ai ăn cắp hay đập vỡ.”

Giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu dường như nhận lầm chiếc nghiên được gọi là Túc Mặc Hầu (từ đời Tống) làm bằng ngôi cung Vị Ương do Tô Thức chế tác của vua Thiệu Trị với chiếc nghiên Đoan Khê do chính vua Tự Đức sai làm khi mới lên ngôi [cũng phong cho nghiên này là Túc Mặc Hầu] nên mới viết là “*Vua Tự Đức đã thường dùng cái nghiên đó*”.

Với người Việt Nam, một chiếc nghiên được phong tước hầu tương đối lạ lùng, tưởng như có một không hai (và có lẽ cũng vì thế mà cụ VHS đã huyền thoại hóa chiếc nghiên khá nhiều) nhưng thực ra trong *Tây Thanh nghiên phổ* cũng đã ghi nhận một số nghiên tàng trữ trong cung làm bằng ngôi từ đài Đồng Tước và cung Vị Ương. Túc Mặc Hầu cũng là một trong những tên văn nhân gọi món đồ dùng để mài mực một cách trịnh trọng.

Cung Vị Ương (未央宮)⁽³⁾

Tại sao chiếc nghiên làm bằng ngôi ở cung Vị Ương lại quý? Có nhiều lý do nhưng trước hết là cung ấy đã bị phá hủy nên những di sản còn lại đều trở thành hiếm hoi. Cung Vị Ương được xây dưới đời Hán Cao Tổ, có diện tích rất rộng và nhiều triều đại đã dùng làm thủ phủ hành chánh nhưng đã bị thiêu hủy vào đời Đường. Ngôi lợp cung Vị Ương là một loại ngôi không tráng men, cách làm cũng công phu như cách người ta làm đất tử sa để nặn ấm đất nên những viên ngôi theo năm tháng bị mưa gió làm mòn nhẵn, cứng nhưng không rập, mài mực rất tốt.

Đài Đồng Tước (銅雀臺)

Là công trình do Tào Tháo đời Tam Quốc kiến tạo năm Kiến An 15 (210 TL). Đài cao 10 trượng, chia ra làm ba ngọn cách nhau 60 bước, có cầu bắc để đi từ đài nọ sang đài kia. Tào Tháo (con Tào Tháo) còn truyền lại một bài *Đồng Tước đài phú* rất nổi tiếng. Người Việt Nam biết nhiều về đài Đồng Tước qua việc Khổng Minh khải Chu Du trong truyện *Tam Quốc diễn nghĩa* và *Truyện Kiều* hơn là qua lịch sử.

Việc chế tạo gạch, ngôi dùng trong các cung điện của vua chúa Trung Hoa cũng công phu và nhiều giai đoạn không khác gì việc làm những đồ gốm loại tốt nhất. Trong *Glimpses of the Court of China, 1773*, giáo sĩ Benoit cũng miêu tả gạch làm trong cung của vua Càn Long như sau:

Nền của buồng này và các phòng khác của hoàng đế đều lát gạch mà họ gọi là kim chuyên⁽⁴⁾ (kín-tchou-en) – có nghĩa là gạch kim khí – vì khi họ lát thì tiếng kêu như tiếng đồng hay tiếng kim loại. Những viên gạch đó vuông vức 60 phân, được làm ở những tỉnh phía nam. Loại sa thạch mà người ta làm gạch này được

dùng để làm đá mài. Người ta [giã nhỏ thành cát] trộn cát và nước để trong bồn cho lỏng một thời gian và các vật thể lớn đọng lại dưới đáy thùng, sau đó đổ nước sang thùng khác và để một thời gian lâu cho đến khi nào chất liệu mịn nhất đã kết tủa. Chất kết tủa này được dùng làm gạch, mặt láng đến nỗi những mảnh vỡ thường được dùng để mài dao cạo và đánh bóng các đồ kim loại khác. Mỗi viên gạch trị giá 40 lạng bạc, trị giá tương đương với 100 crowns⁽⁵⁾ bên Pháp. Khi lát cái sàn này, họ gắn các viên gạch với nhau bằng một loại keo có trộn sơn và khi đầu vào đầy rồi họ lại quét sơn lên khiến cho mặt điện luôn luôn bóng lộn, và cũng rất cứng, khi bước lên trên chúng ta có cảm tưởng là lát bằng đá cẩm thạch.⁽⁶⁾

Có một đoạn tương đối quan trọng ngay sau phần giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu trích trong *Thực lục* bên trên. Đoạn đó như sau:

... Vua lại nói rằng:

Trong Ngõa nghiên phổ có viết là ở nơi di chỉ của đài Đồng Tước của nhà Ngụy người ta thường giữ được ngói cũ, đục thành nghiên rất khéo, giữ nước mấy ngày không khô. Theo tích xưa truyền lại thì khi làm những viên ngói xây đài này thì người thợ làm đồ gốm lấy bùn [nguyên văn Trùng Nê, tức bùn ở sông Phần], dùng vải rây rồi cho thêm dầu hồ đào thành đất thó nên ngói đó khác với ngói thường.

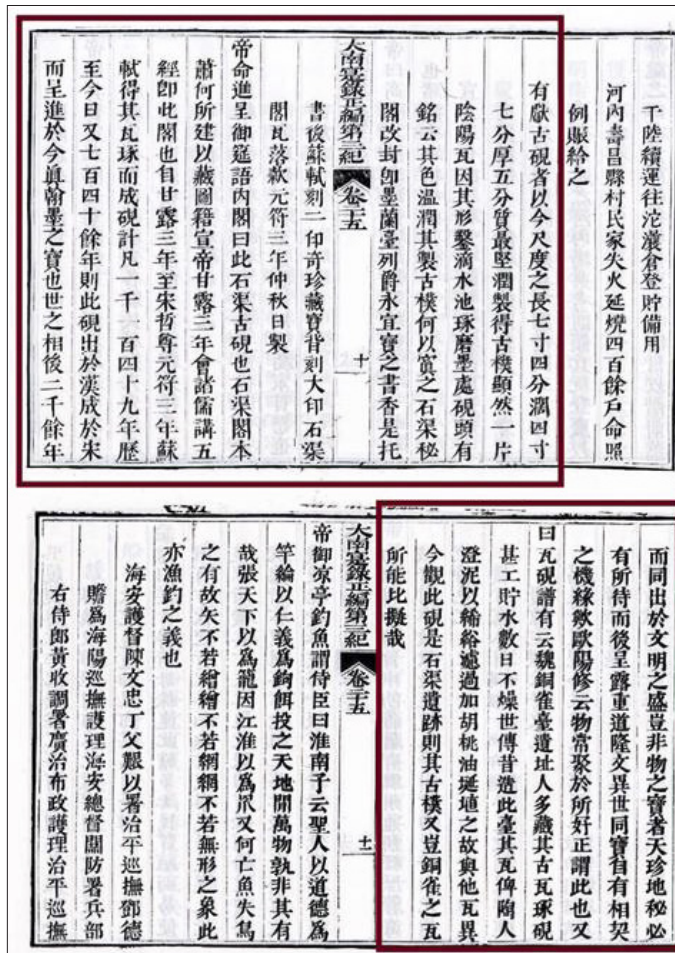
Nay trẫm xem cái nghiên này là di tích từ Thạch Cừ, ngói ở Đồng Tước làm sao sánh với vẻ cổ phác của nó được? (NDC dịch).

Xem như vậy, vua Thiệu Trị học rộng nên biết rằng ngói đài Đồng Tước làm từ Trùng Nê đã tốt mà ngói Vị Ương còn tốt hơn, chiếc nghiên của ông quả là trân quý. Chiếc nghiên của vua Thiệu Trị không biết nay ở đâu nhưng một chiếc nghiên khác cũng được phong Túc Mặc Hầu [đời Tự Đức] thì lại nổi đình nổi đám hơn nhiều, gây tranh luận kèm theo một số giả thuyết theo hướng “âm mưu” [conspiracy theory] mà tung tích vẫn còn mờ mịt.

II. Nghiên Túc Mặc Hầu

Chiếc nghiên Vị Ương của vua Thiệu Trị, kể cả bài viết của giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu về chiếc nghiên này chỉ là phần phụ, phần chính yếu cụ Vương Hồng Sển muốn đề cập đến là một chiếc nghiên khác mà chính cụ cầm lên xem, thử nghiệm và được miêu tả với nhiều chi tiết lạ lùng.⁽⁷⁾

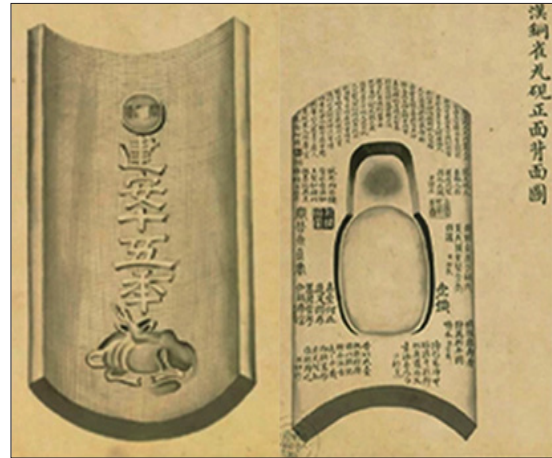
Câu chuyện về chiếc nghiên được ghi lại như một hồi ký đăng trên tạp chí *Bách khoa (Thời đại)*, số đặc biệt 290-291 ngày 1 và 15-2 năm 1969, Tết Kỷ Dậu dưới nhan đề “Nghiên mực Túc-Mặc-Hầu của vua Tự Đức”, trong đó cụ Vương úp mở đưa ra một giả định (nhưng gần như chắc chắn, dù chỉ nghe người khác nói lại) là có người đã đem vào trong Nam để dâng cho ông Ngô Đình Diệm và nghiên đó đã thất tung sau ngày đảo chánh năm 1963.



Đại Nam thực lục chính biên. Đệ Tam kỳ. Quyển XXV.
(Tác giả đóng khung những đoạn trích dẫn trong bài)



Nghiên Vị Ương.



Nghiên Đồng Tước.

Hai chiếc nghiên này được chế tạo từ ngói cũ ở cung Vị Ương và đài Đồng Tước đời Hán.
Hình trích từ Tây Thanh nghiên phổ (Thanh).

Cũng từ bài viết này chúng ta được biết thêm một số chi tiết khác. Cụ Vương đã nhắc đến tập san *Đô thành hiếu cổ*, năm thứ tư, số 3 các tháng 7-8-9 năm 1917 (*Bulletin des Amis du Vieux Hué* 4^e. Année N°3. Juillet-Sept.1917), mà theo đó chúng ta đọc được hai bài về chiếc nghiên, một của E. Gras và một của Ngô Đình Diệm (dịch bài minh trên nắp hộp). Giữa hai bài viết, chúng ta còn thấy một bản tranh (planche) vẽ chiếc nghiên Túc Mặc Hầu khá rõ và trung thực của họa sĩ Tôn Thất Sa. Thông tin về chiếc nghiên này được tập hợp thành bảng dưới đây:

Tác giả	Bài viết	Xuất xứ	Nội dung
Vương Hồng Sển	"Nghiên mực Túc-Mặc-Hầu của vua Tự Đức".	<i>Bách khoa thời đại</i> , số đặc biệt 290-291 ngày 1 và 15-2 năm 1969, Tết Kỷ Dậu.	Tường thuật việc tác giả được cho xem chiếc nghiên của vua Tự Đức và những suy đoán về việc chiếc nghiên bị mất tích.
E. Gras	"Sur un encrier de Tu-Duc" .	<i>Bulletin des Amis du Vieux Hué</i> , 4 ^e année N° 3, Juillet-Sept 1917.	Miêu tả chi tiết hình dáng và các đặc tính của chiếc nghiên Túc Mặc Hầu.
Ngô Đình Diệm (dịch và chú giải)	"L'encrier de S. M. Tu-Duc".	nt	Bản dịch bài minh của vua Tự Đức trên nắp hộp đựng nghiên và những hàng chữ ở chung quanh chiếc nghiên
Tôn Thất Sa	Hình vẽ chiếc nghiên Túc Mặc Hầu.	nt (tr. 209)	Vẽ chính diện và hàng chữ cạnh đồng và cạnh nam chiếc nghiên.

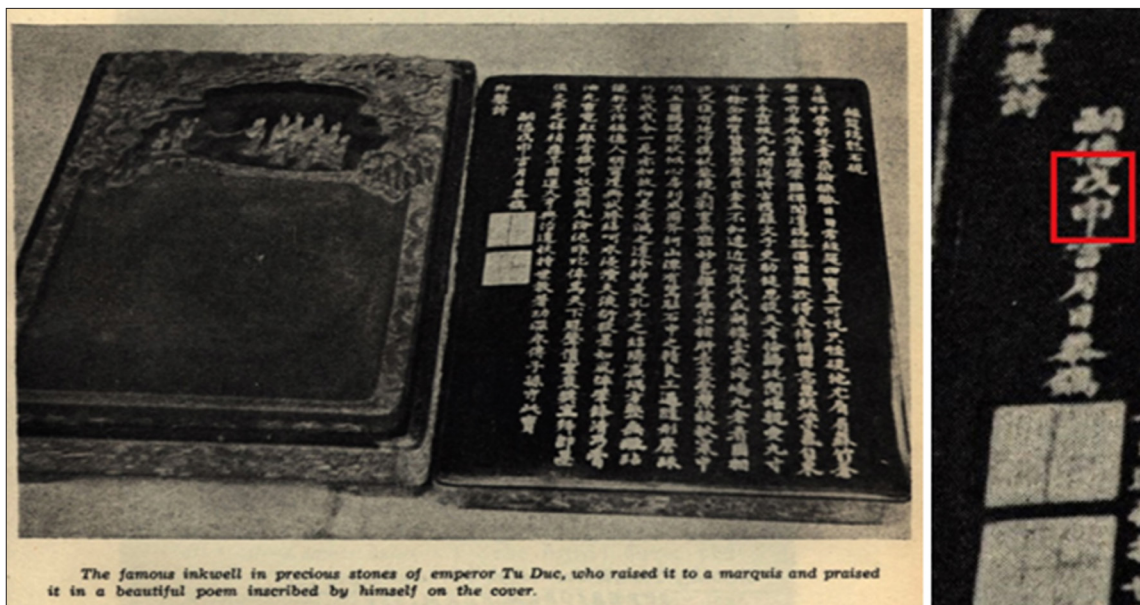
Ngoài hình vẽ của họa sĩ Tôn Thất Sa trong *BAVH* và tấm ảnh nơi bài của cụ Vương Hồng Sển [khá mờ] trong *Bách khoa thời đại* (tr. 15), hình ảnh chiếc nghiên cũng còn xuất hiện ở nơi khác. Khi nền Đế Nhất Cộng hòa còn phôi thai, chính phủ [Nam] Việt Nam có ấn hành một số sách vở nhằm quảng bá thành quả ban đầu của quốc gia với thế giới. Những tác phẩm này được xuất bản bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp, in ở nước ngoài [có lẽ hồi đó các nhà in quốc nội chưa đủ kỹ thuật in giấy láng hay hình màu với độ phân giải cao].

Trong *Việt Nam d'hier et d'aujourd'hui* (tiếng Pháp) do Thái Văn Kiểm biên soạn (338 trang, được in tại Tanger, Maroc ngày 20 juillet, năm 1956) và một ấn bản khác (tiếng Anh) nhan đề *Viet Nam: Past and Present* (442 trang, không đề nơi in, năm 1957) có hình chiếc nghiên Túc Mặc Hầu của vua Tự Đức (*Việt Nam d'hier et d'aujourd'hui* ở trang 89 và *Viet Nam: Past and Present* ở trang 106).

Đến năm 1967, thời Đế Nhị Cộng hòa, một tác phẩm khác của Bộ Ngoại giao có tên là *Vietnamese Realities* (190 trang, nội dung sử dụng khá nhiều tài liệu từ ấn bản 1956, 1957), tấm hình chiếc nghiên lại thấy xuất hiện nơi trang 89, lớn hơn hai tấm hình trước đây nhưng cũng không đủ rõ để có thể đọc được bài minh trên nắp hộp. Ngoài ra, theo chúng tôi ghi nhớ, hình chiếc nghiên này còn được đăng trên tạp chí *Văn hóa nguyệt san*.



Hình chiếc nghiên Túc Mặc Hàu của vua Tự Đức trong sách *Việt Nam d'hier et d'aujourd'hui*. 1956 . Tr. 89 (trái) và *Viet Nam: Past and Present*. 1957. Tr. 106.



Nghiên Túc Mặc Hàu trong sách *Vietnamese Realities*. (1967). Tr. 89. [Từ sách NDC].

1. Có mấy bài minh trên chiếc nghiên và hộp đựng nghiên ?

Vậy chiếc nghiên miêu tả có tác hình 8 vị tiên (và một vị khác cùng tiểu đồng đang đi tới ở phía bên trái) bằng đá Đoan Khê với nhiều dật sự lý kỳ được cụ

Vương Hồng Sển kể lại nhân chuyến ra thăm Huế **chính là chiếc nghiên ta thấy ở trên**. Bài viết của cụ Vương (*Bách khoa thời đại*) cũng cho biết tại chiếc nghiên này, kể cả hộp, có đến ba bài minh, **trên nắp, dưới đáy hộp và dưới đáy nghiên** (viết đậm và gạch dưới do người viết nhấn mạnh):

*Tôi lật **bề trái** xem trước, thì là một bài văn “ngự chế” của đức Dực Tôn, đề cao đặc tánh có một không hai của Túc Mặc Hầu. Chữ khắc nổi, mạ vàng lên trên, sắc sảo vô song, tiếc vì ảnh chụp không đủ sức làm lộ ra nét độc đáo này. Tôi xem qua hộp đựng, thì là một cái hộp rất mỹ thuật làm bằng đôi môi Hà Tiên, trong treó và vàng hực, làm cho bài thi “ngự chế” khắc lên **nắp trên nắp dưới cái hộp** càng khiêu gợi; theo tôi, nội cái hộp cũng đủ là một mỹ-phẩm tuyệt tác...⁽⁸⁾*

Đối chiếu với tài liệu, nhất là bản dịch của ông Ngô Đình Diệm và miêu tả của E. Gras, chúng ta chỉ thấy đề cập đến [và dịch] **bài minh trên nắp hộp** [xà cừ khảm trên sơn đen], **các hàng chữ của bốn cạnh đông, tây, nam, bắc của chiếc nghiên**⁽⁹⁾ chứ không thấy nói gì đến bài thơ ngự chế nào ở mặt dưới nắp hộp cả. Cái mà cụ Vương nói là “*bề trái*” chính là bài minh trên nắp hộp và đó là “*ngự chế thi*” duy nhất chúng ta thấy được.

Theo lời thuật của cụ Vương thì bài viết trên *Bách khoa thời đại* dự tính đăng lại vào *Hiếu cổ đặc san* số 9 [là bộ sách tập hợp những bài viết của cụ Vương Hồng Sển] nhưng việc chưa thành thì xảy ra biến cố năm 1975 nên sau cùng đã chép thêm vào trong cuốn *Hơn nửa đời hư* là tác phẩm cụ Vương viết theo dạng hồi ký.⁽¹⁰⁾

Bài viết trên *Bách khoa* khi in lại trong *Hơn nửa đời hư* có khác đôi chút, người viết xin chép lại nguyên văn đoạn này (viết đậm và gạch dưới do người viết nhấn mạnh):

*...Tôi cầm nghiên mực mà suy nghĩ mông lung, ban đầu tôi lật bề trái xem trước, và đây cũng là méo mó nghề nghiệp, thuở nay nghề chơi đĩa xưa dạy hễ gặp thứ gì hay thì “lật đĩa” xem trước, đọc ký hiệu nếu là đồ cổ, hoặc tìm gì gì nếu đó là thiên kim giai nhân! Dưới **đáy nghiên** là một bài văn “ngự chế” của đức Dực Tôn, đề cao đặc tính của nghiên Túc Mặc Hầu. Chữ khắc nổi, mạ vàng lên mặt chữ, sắc sảo không thể tả, tiếc vì tôi chỉ biết mò bằng tay và khen tám tấc, chứ không biết khen bằng mắt vì mắt không đọc được chữ nào! Lúc đó tuy có thâu vào máy ảnh, nhưng chữ tể vi quá, không đọc được, vả lại ngày nay ảnh cũng mất, nên khen cũng như không. Sau khi xem đáy, tôi xem qua hộp đựng, thì đây là một cái hộp rất mỹ thuật, làm bằng đôi môi Hà Tiên, loại thật đẹp, thật quý, trong treó và vàng hực, khiến cho bài thi ngự chế nổi bật: **một bài khắc trên nắp hộp** và một bài nữa **khắc trên mặt dưới của cái hộp**, khiến tôi khen thắm, nội cái hộp này không, cũng đủ là một mỹ thuật phẩm tuyệt tác...” (HNĐH. Tr. 517-8).*

Nói tóm lại, trong cả bài gốc ở *Bách khoa* và sau này in trong *Hơn nửa đời hư*, cụ Vương Hồng Sển đều xác định rằng cả chiếc nghiên và hộp đựng có đến ba nơi khắc chữ: **dưới đáy nghiên, trên nắp hộp và dưới đáy hộp. Cả ba đều là ngư chế thi.**

Tuy cụ Vương Hồng Sển viết rất nhiều chi tiết nhưng đối chiếu với những tài liệu khác thì có đôi chỗ không rõ rệt lắm. Cụ Vương viết chiếc hộp làm bằng đôi môi, vậy là như thế nào?

Đôi môi không phải là vật liệu có thể làm những gia cụ lớn như hộp đựng nghiên nêu trên, nên chỉ có thể là hộp gỗ dát bằng những miếng đôi môi mỏng. Mà cũng không phải dát toàn bộ vì trông tấm hình trích từ *Vietnamese Realities*, chúng ta cũng thấy cái nắp hộp bỏ riêng ra ngoài, phần trên là gỗ sơn mài đen [nắp làm lớn hơn diện tích hộp phía dưới], trên khảm bài minh bằng xà cừ như đề cập trong những tài liệu khác.

2. Mậ Thân hay Mậ Thìn ?

Bản dịch Ngô Đình Diệm

Bài minh

Trước hết là bản dịch của một viên thư lại cửu phẩm ở Tân Thư Viện [Tân Thư Viện] có nhan đề “Chiếc nghiên mực của vua Tự Đức”.⁽¹¹⁾ Người dịch Ngô Đình Diệm chính là Tổng thống đầu tiên của Đệ Nhất Cộng hòa miền Nam Việt Nam sau này. So sánh những chữ Hán có thể đọc được, bản dịch của ông Ngô Đình Diệm trên *BAVH* chính là bài minh bên trên nắp hộp nghiên, còn hai bài khác ở dưới đáy nghiên và dưới nắp hộp như cụ Vương Hồng Sển miêu tả thì không thấy đưa ra thêm các chi tiết. Qua bài minh này [9 hàng 31 chữ và 1 hàng 29 chữ, tổng cộng 308 chữ cộng thêm đầu đề 6 chữ, lạc khoản 12 chữ] ta biết trên nắp hộp có khảm tất cả 326 chữ và hai con dấu.

Các hàng chữ khác

Ngoài ra, theo bản dịch [đoạn sau cùng] ta cũng biết chiếc nghiên còn đôi câu đối ở hai bên đông tây (faces latérales) đề ca tụng và hai hàng chữ ở hai bên nam bắc (deux autres extrémités) cho biết thêm về nơi lưu trữ và năm chế tạo.

Ở hai cạnh đông tây:

“Cet encrier a des lignes, des arêtes nettes et pleines, le sage seul peut s’en servir.

Il ne présente aucune défectuosité, ni la médisance, ni la perversité ne pourront l’entamer”.

(Chiếc nghiên này có đường nét, góc cạnh sắc sảo và đầy đặn, chỉ dành riêng cho người quân tử.

- 212 -

Ce merveilleux encrier présage des progrès rapides en littérature; il permet de prévoir la grandeur de l'Etat, la prospérité dans l'administration ; il apportera une aide efficace à l'instruction du peuple. C'est un legs que notre postérité devra conserver éternellement.

Fait un jour faste de l'an *mậu-thìn* (1868) de la période Tỵ-Đức.

Sur les faces latérales de l'encrier sont gravées, en lettres d'or, ces deux phrases :

« Cet encrier a des lignes, des arêtes nettes et pleines ; le sage seul peut s'en servir ».

« Il ne présente aucune défectuosité ; ni la médisance, ni la perversité ne pourront l'entamer ».

Aux deux autres extrémités, on lit :

« Encrier en pierre de Đoan-Khê, du Kinh-Diên ».

« Un jour faste de l'année *mậu-thìn* de la période Tỵ-Đức »

Phần cuối bản dịch của Ngô Đình Diệm. *BAVH*. Jullet-Sept 1917. Tr. 212.

Không khuyết điểm, không lệch lạc, không điều tồi bại nào có thể xâm phạm được).

Rất tiếc, họa sĩ Tôn Thất Sa chỉ vẽ được một câu bên cạnh chiếc nghiên mà theo phép phối cảnh không vẽ phía bên kia, nhưng nét chữ cũng không tròn trịa lắm nên người xem (NDC) – trong giới hạn hiểu biết của mình – chỉ có thể đọc một phần và đối chiếu với bản dịch để suy đoán :

有廉隅惟君子可與相... (hữu Liêm Ngung duy quân tử khả dĩ tương...)

Đây chính là câu ông Ngô Đình Diệm đã dịch thành “*Cet encrier a des lignes, des arêtes nettes et pleines, le sage seul peut s'en servir*”. Chỗ này cũng khiến chúng ta phải bàn sâu thêm một chút. Chữ Hán *Liêm* (廉) nghĩa là góc cạnh, *Ngung* (隅) là vuông vức nhưng có lẽ vua Tự Đức không chỉ dùng để miêu tả hình dáng chiếc nghiên một cách mộc mạc mà còn muốn nói đến xuất xứ của nó. Liêm Ngung (Liêm Châu và Phiên Ngung đều là tên đất thời cổ) là nói về đất Quảng Đông vì chiếc nghiên này làm bằng đá Đoan Khê từ Triệu Khánh bên Tàu. Vua Tự Đức vốn nổi tiếng là người hay dùng một chữ với nhiều nghĩa khác nhau nên ông Diệm chỉ dịch nghĩa đen mà không nhắc tới nghĩa bóng của nó là “chỉ người quân tử⁽¹²⁾ mới có được một chiếc nghiên bằng đá Đoan Khê”.

Thành ra vua Tự Đức viết câu đó vừa có nghĩa người quân tử nên minh bạch rõ ràng, lại hàm ý ông có một chiếc Đoan nghiên quý giá.

Và hai cạnh bắc nam là:

“Encrier en pierre de Doan-Khê, du Kinh-Diên”.

(Nghiên đá Doan Khê để trong điện Kinh Diên [nơi giảng sách của nhà vua])

Un jour faste de l’année mậu-thìn de la période Tự-Đức.

(Một ngày tốt năm Mậu Thìn đời Tự Đức).

Như thế ta chỉ thấy trong bài dịch của ông Ngô Đình Diệm chỉ có một bài minh và hai câu (ở hai bên đông tây) [faces latérales] và niên đại (ở trên dưới nam bắc) [deux autres extrémités] nên việc cụ Vương đề cập đến hai bài khác **dưới đáy hộp và đáy nghiên** [không thấy đề cập trong *BAVH*] là một bí ẩn khó hiểu. Hay là cụ nhớ nhầm ?

Có một điểm đáng thắc mắc. Đó là theo bài dịch – **không phải một mà hai lần** – ông Ngô Đình Diệm đã dịch năm khắc bài minh này là năm **Mậu Thìn(1868)**, tức là cách nhau đến 20 năm. Bài dịch viết:

“Fait un jour faste de l’an mậu-thìn (1868) de la période Tự-Đức” (dòng 5) [trang 212].

“Un jour faste de l’année mậu-thìn de la période Tự-Đức” (dòng cuối) [trang 212].

Trong khi đó trên tấm ảnh nắp hộp nghiên thì hai hàng chữ cuối cùng [tức hàng dọc bên trái], ngay trên hai chiếc ấn chúng ta có thể vẫn còn nhận ra một số hàng chữ (từ trên xuống):

嗣德戊申吉月日 ... (?) Tự Đức **Mậu Thân** cát nguyệt nhật ... (?)

Ngoài cùng bên trái là ba chữ :

御製詩 Ngự chế thi

Mậu Thân là năm 1848 Dương lịch, tức Tự Đức nguyên niên, là năm đầu khi vua Dục Tôn vừa lên ngôi nên việc cho đục một chiếc nghiên để kỷ niệm năm đầu thân chánh là chuyện thường làm vì các món nhật dụng của tiên vương không truyền cho đời sau mà đem vào thờ chung trong lăng.

Chắc chắn với trình độ học vấn vào thời đó, ông Ngô Đình Diệm không thể đọc nhầm hai chữ Mậu Thân [戊申] và Mậu Thìn [戊辰] nên người viết cho rằng khi xếp chữ bản in có thể bị lộn chữ Thân và chữ Thìn vì viết theo chữ Hán thì Thân 申 và Thìn 辰 khác hẳn nhau nhưng Quốc ngữ theo mẫu tự Latin thì lại gần

giống nhau, viết tay thì lại càng dễ nhầm. Lại nhất là lại có chữ số (1868) để trong ngoặc đơn nên biết rằng hai chữ Mậu Thìn không phải do xếp chữ mà chỉ có thể sai lầm được thêm vào khi in báo.



Hình vẽ chiếc nghiên của vua Tự Đức
(Tranh của Tôn Thất Sa. BAVH. Số 3. Năm 1917).

Cũng trong số tạp chí đó, một bài về chiếc nghiên do E. Gras viết nhan đề “Sur un encrrier de Tu-Duc” (Về chiếc nghiên của vua Tự Đức) trang 207-208 và ở trang 209 là hình vẽ chiếc nghiên của Tôn Thất Sa (Planche XXVIII). Bức vẽ này khá chi tiết và rõ ràng, có thể đếm được 2 mắt cù dục lớn, một ở nghiên trì (chỗ chứa nước hoặc mực), một ở nghiên đường (lòng nghiên, nơi mài mực) và ít nhất bốn mắt khác nhỏ hơn lẫn trong các họa tiết và mép nghiên. Cũng trên hình vẽ này, chúng ta đọc được hàng chữ “*Tự Đức Mậu Thân cát nguyệt nhật...*” ở phía đáy tương tự như bài minh trên nắp hộp đã đề cập ở trên. Với hai chi tiết từ hai phần riêng rẽ (nắp hộp và ngay trên chiếc nghiên), **chúng ta biết chắc rằng năm chế tạo nghiên là năm Mậu Thân (1848) chứ không phải là năm Mậu Thìn (1868)** như bản dịch của ông Ngô Đình Diệm.

3. Hộp đựng nghiên

Theo bức hình chụp in trong *Vietnamese Realities*, chúng ta thấy nắp trên của hộp nghiên là sơn mài đen bóng trên khảm bằng xà cừ bài thơ ngự chế. Chiếc nắp hộp được để ra phía bên phải chiếc nghiên.

Cũng từ bài thuyết trình về chiếc nghiên ngày 5/6/1917 của E. Gras, chúng ta biết nhiều hơn về chiếc hộp đựng. Đó là một hộp bằng sơn mài đen, với những hàng chữ Hán được khảm bằng xà cừ, có 4 chân làm bằng ngà.⁽¹³⁾ Với những chi tiết ông Gras miêu tả, cái nghiên theo thời gian đã thẩm màu, chữ mà giới chuyên môn gọi là “phong hóa”. Đó cũng là thường tình vì nghiên Đoan Khê khi mới thường có màu tím nhạt, sau ngả màu xanh lục như đá ở ngoài trời lâu ngày. Về ngoại hình, chúng ta biết được chiếc hộp này là hộp đòi mỗi tuy mai rùa thường không đủ lớn đến có thể cất ra làm một chiếc hộp to như thế. Vậy chắc là đòi mỗi Hà Tiên được khảm hay lát trên một chiếc hộp bằng nhiều miếng nhỏ nên cụ Vương miêu tả là “trong trẻo và vàng hực”.

Nói tóm lại, hình vẽ của Tôn Thất Sa là vẽ riêng cái nghiên còn hình chụp trong sách *Vietnamese Realities* bao gồm nghiên để trong hộp, nắp trên bỏ ra ngoài để lộ bài minh ngự chế của vua Dục Tôn. Chiếc nghiên làm bằng đá Đoan Khê, hộp làm bằng gỗ, sơn mài đen khảm chữ bằng xà cừ, bên ngoài lát đồi mồi màu vàng.

4. Một vài nhận xét khác

Khi ông Ngô Đình Diệm dịch bài minh này (1917), ông chỉ mới 16 tuổi (ông sinh năm 1901). Theo các chi tiết trong tiểu sử, đây là thời gian mà cha ông [Ngô Đình Khả] đã bị thất thế (năm 1907, Ngô Đình Khả bị mất chức Tổng quản Tử Cấm Thành vì không đồng ý truất phế vua Thành Thái). Kể từ đó, gia đình họ Ngô sa sút nên sau này, ông Ngô Đình Diệm được theo học Trường Hậu Bổ cũng là nhờ sự nâng đỡ của Thượng thư Nguyễn Hữu Bài (bố vợ ông Ngô Đình Khôi). Tuy nhiên, Ngô Đình Diệm nhập học Trường Hậu Bổ năm 1918 nên vào thời điểm ông dịch bài minh này, ông còn đang theo học Trường Quốc Học [bậc trung học].

Cũng theo bài báo thì ông Ngô Đình Diệm làm việc trong Tân Thơ Viện, ngạch cửu phẩm [là ngạch thấp nhất trong quan trường] thường dành cho những người chưa có chức vụ gì cả, và việc dịch bài minh có thể do cấp trên yêu cầu, vừa để làm tài liệu đăng báo, vừa như một hình thức gián tiếp giúp đỡ cậu thiếu niên một số tiền nhuận bút. Một thanh niên 16 tuổi dịch một bài cổ thi tương đối khó, nhiều chi tiết cần giải thích [bài khoảng 2 trang có 23 cước chú] nên chưa chắc ông đã có thể làm một mình mà có thể được người lớn (trong gia đình hay trong tòa soạn) giúp đỡ trong việc tìm kiếm tài liệu.

Có thể ví nhiệm vụ của Ngô Đình Diệm trong Tân Thơ Viện như một học sinh hay sinh viên làm việc tạm thời, tập sự (intern) tại các cơ quan hành chính ngày nay. Việc cụ Vương Hồng Sển cho rằng ông lưu tâm tới chiếc nghiên từ lâu và sau này dự phần chiếm lĩnh một bảo vật quốc gia là một suy luận đi quá xa và cũng không có cơ sở chắc chắn. Nếu quả ông có vui mừng khi nghe nhắc đến bài trên *BAVH* có lẽ vì đây là một kỷ niệm khó quên của một thanh niên có công trình được đăng trên một tạp chí uy tín vào bậc nhất ở Đông Dương thời đó.⁽¹⁴⁾

III. Kết luận

Như vậy ta thấy có hai chiếc nghiên được gọi là Túc Mặc Hầu. Chiếc nghiên thứ nhất là một chiếc nghiên cổ [có tên sẵn theo bài minh khắc trên đó] làm bằng ngói Vị Ương do Tô Đông Pha (đời nhà Tống) chế tạo. Chiếc nghiên này được dâng lên vua Hiến Tổ tháng Mười năm Thiệu Trị 2 (1842) như đã chép trong *Đại Nam thực lục*. Chiếc nghiên thứ hai được làm bằng đá Đoan Khê được vua Dục Tôn phong Túc Mặc Hầu năm Tự Đức nguyên niên (1848). Cả chiếc hộp và cái nghiên này đều được thực hiện cùng năm vì có hàng chữ “Tự Đức Mậu Thân...” nơi bài minh khảm trên

nắp hộp [trong bức hình ở *Vietnamese Realities*] hay ở cạnh dưới của chiếc nghiên [trong bức vẽ của họa sĩ Tôn Thất Sa trong *BAVH*, Juillet-Sept, 1917].⁽¹⁵⁾

Hai chiếc nghiên đó khác hẳn nhau, một chiếc do Tô Thức (Đông Pha) đời Tống làm ra từ ngói ở cung Vị Ương là nghiên cổ, còn chiếc nghiên của vua Tự Đức được đục từ đá Đoan Khê năm Tự Đức nguyên niên (1848) là nghiên mới chế tác riêng cho vua Dục Tôn khi ông lên ngôi.

Nếu tính theo niên đại thì chiếc nghiên của vua Thiệu Trị đã tồn tại 700 năm trong khi chiếc nghiên của vua Tự Đức chỉ mới hơn một thế kỷ, dù có quý giá nhưng chắc cũng không diêu dụng, ly kỳ như lời cụ Vương Hồng Sển ca tụng.

Trên thị trường, nghiên bằng đá Đoan Khê nay cũng khá thông dụng, nhiều chiếc tân tạo nhưng điêu khắc rất mỹ thuật. Riêng những mắt nghiên nếu thực là cù dục nhân thì rất hiếm, chỉ người giàu hay có duyên may mới có được.

Như vậy, việc vua Thiệu Trị và vua Tự Đức phong [hay đề cao] cái nghiên quý của mình là Túc Mặc Hầu cũng chỉ lập lại một thông tục của Trung Hoa đời trước chứ không phải chưa từng có.⁽¹⁶⁾ Túc Mặc Hầu vì thế đã trở thành một dạng “*nhân cách hóa*” (personification) một đồ vật thân thiết, nhất là đối với giới nho sĩ vốn coi chữ nghĩa là biểu tượng cho di sản của thánh hiền.

Không biết hai chiếc nghiên của vua Thiệu Trị và vua Tự Đức nay còn hay mất, lưu lạc về đâu ?

N D C

CHÚ THÍCH

- (1) Nguyên văn: 其色溫潤, 其製古樸. 何以寘之, 石渠秘閣. 改封即墨, 蘭臺列爵. 永宜寶之, 書香是托 (Nguyễn Duy Chính chú thích).
- (2) Đúng ra là làm bằng ngói lợp ở gác Thạch Cừ ngày xưa. Nghiên này lấy ngói sau khi cung điện bị phá hủy để chế thành nghiên vào đời Tống. (NDC chú thích).
- (3) Vị Ương phát xuất từ *Kinh Thi*, Tiểu nhã, hàm nghĩa là chưa chấm dứt.
- (4) 金甌.
- (5) Đơn vị tiền ngày xưa, tương đương 5 shillings.
- (6) NDC dịch. Trích từ “Glimpses of the Court of China, 1773” [Những thoáng nhìn vào triều đình Trung Hoa, 1773] trong *Historical Scenes from the Old Jesuit Missions*, do giáo sĩ WM. Ingraham Kip, D.D., LL.D., hội viên của Hiệp hội Khoa học New York sưu tầm. Anson D. F. Randolph and Company, New York (770 Broadway) ấn hành năm 1875.
- (7) Trong bài viết dường như cụ Vương Hồng Sển đã không phân biệt được hai chiếc nghiên, hai loại vật liệu khác nhau nên đặt nhiều câu hỏi không chính xác, nhiều đoạn tưởng như cố tình nói cà kê, nhiều lời ít ý. Xem lời bàn của cụ VHS trong *Hơn nửa đời hư* (Văn nghệ, 1995), trang 524-531.
- (8) Tạp chí *Bách khoa thời đại*. Số 290-291 ngày 1 và 15-2, số đặc biệt Tết Kỷ Dậu. Tr. 14.

- (9) Để dễ hình dung, chúng tôi dùng mặt trên, mặt dưới và bốn cạnh theo hướng đông tây nam bắc để nói về chiếc nghiên.
- (10) Vương Hồng Sển. *Hơn nửa đời hư*. (Calif. Văn nghệ. 1995) Chương 26 : Nghiên Mực Tức Mặc Hàu của Đức Dực Tôn hoàng đế. Tr. 515-531.
- (11) L'encrier de S. M. Tu-Duc: Traduction des inscriptions par Ngô-Đình-Diệm, cửu phẩm au Tân Thơ Viện. *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, 4^e année N^o 3. Juillet-Sept 1917. Tr. 209-212.
- (12) Quân cũng còn nghĩa là vua nên quân tử cũng nói đến bậc vương giả.
- (13) L'écrin, dès l'abord, retient l'oeil. La nacre des caractères, soigneusement incrustés, s'irise commedes fragments de prisme sur le fond brillant de laque noir. (*Ngay từ đầu, chiếc hộp đã rất bắt mắt. Những chữ bằng xà cừ, được khảm kỹ lưỡng, lóng lánh như những lăng kính nhỏ trên nền sơn đen bóng.*) BAVH, 7-9/1917, E. Gras: "Sur un encrier de Tu-Duc". Tr. 207.
- (14) ... *Đang trí còn nghĩ ngợi viển vông, thoát nghe Tổng thống đặt máy nói vào móc, tôi vừa day lại thì nghe ông nói chậm rãi nửa thân nửa chí tình : "Cách nay mấy mươi năm, tôi cũng từng làm một nghề tương tự như nghề ông (tiếng ông gọi tôi lần thứ nhất), nhưng vẫn không phải nơi chốn này đâu !".*
 - *Dạ thưa Tổng thống, tôi thăm phục và thăm khen ông khéo lựa mấy lời quá êm cỏi mở, dạ thưa Tổng thống, tôi đã từng đọc bài nghiên cứu của Tổng thống viết về chiếc nghiên mực "Tức mặc hàu" đăng năm xưa trong tập san Đô thành hiếu cổ.*
 - *Ờ ! phải đấy. Bài ấy tôi viết đã lâu lắm rồi. Có đọc hỉ.* (HNĐH. Tr.475).
- (15) Hộp đựng nghiên thường làm theo công thức 3/5 nghĩa phần dưới dày 2 phần thì nắp trên dày 3 phần. Khi nghiên để vào hộp, phần đá trôi lên cao để dễ lấy ra chùi rửa. (Xem ảnh chụp).
- (16) Tên này có từ đời Đường. Trong *Tức Mặc Hàu Thạch Hư Trung truyện* có chép: Nhà vua thấy đây là một món đồ ích lợi, khen là kính cẩn lặng lẽ, luôn luôn ở bên cạnh mình hầu hạ, ngày ngày quen thuộc với văn chương nên phong cho Tức Mặc Hàu. Đời Tống, Vương Mai trong bài thơ *Trừ dạ tẩy nghiên* có câu: "Đa tạ ngô gia Tức Mặc Hàu, Triều như mộ nhiệm phú Xuân Thu" (Đa tạ anh Tức Mặc Hàu nhà ta, sáng ước chiều thăm kinh Xuân Thu). Trong *Ấu học quỳnh lâm*. Cung thất loại. Quyển 3 chép: Thạch Hư Trung hay Tức Mặc Hàu đều là cách người ta gọi chiếc nghiên.

PHỤ LỤC

Để bạn đọc tiện tham khảo, chúng tôi xin trích đăng nguyên văn bài minh khắc trên nắp hộp đựng nghiên Tức Mặc Hàu cùng phần phiên âm, dịch nghĩa và chú thích của nhà Hán học Vĩnh Cao, trích trong bài "Huyền thoại về "Tức Mặc Hàu"". Trong: Phan Thanh Hải. (2012). *Với di sản Huế*. Nxb Thuận Hóa. Huế. Tr. 45-52.

Hán văn

經筵端谿石硯
素性好學好文章
染翰操觚日日常
經筵四寶三可悅
只怪硯池尤屑屑

Phiên âm

Kinh diên Đoan Khê thạch nghiên
Tố tính hiếu học hiếu văn chương,
Nhiễm hàn thảo cô nhật nhật thường
Kinh diên tứ bảo tam khả duyệt,
Chỉ quái nghiên trì, vuu tiết tiết

蘇竹蒼壁世所希
 水燥墨澀筆難揮
 聞道端谿獨出類
 欲得未得猶留意
 忽然紫氣自東來
 雲衣霞帔九光開
 送將古樸羅文子
 更助健思挾天才
 拾歸玩閱堪親愛
 九寸有餘全面背
 質器堅厚匹盒玉
 不知遠近何年代
 或刻樓臺或海嶠
 九老看圖相談笑
 復有延佇攜杖藜
 鑱玉割雲無窮妙
 色雜青紫如猪肝
 表裏瑩潔疑秋寒
 中間五箇鴈鵠眼
 狀似心房列成團
 斧柯山潭有鷺駐
 石中之精良工遇
 隨形磨琢巧製成
 我今一見亦如故
 抑是帝鴻之遺珍

Tô trúc thương bích thế sở hy.
 Thủy táo mặc sáp bút nan huy.
 Văn đạo Đoan Khê độc xuất loại,
 Dục đắc vị đắc, do lưu ý.
 Hốt nhiên tử khí tự đông lai,
 Vân y hà bí, cửu quang khai
 Tống tương cổ phác la văn tử
 Tiện trợ kiện tư, thiểm thiên tài
 Thập quy ngoạn duyệt kham thân ái.
 Cửu thôn hữu dư, toàn diện bối
 Chất khí kiên hậu thất hạp ngọc.
 Bất tri viễn cận, hà niên đại.
 Hoặc khắc lâu đài, hoặc hải kiêu
 Cửu lão khán đồ tương đàm tiếu,
 Phục hữu diên trử huê trượng lê,
 Sảm ngọc cát vân vô cùng diệu
 Sắc tạp thanh tử như trư can,
 Biểu lý ánh khiết ngưng thu hàn.
 Trung gian ngũ cá cù dục nhãn
 Trạng tự Tâm Phòng liệt thành đoàn.
 Phủ Kha sơn đàm hữu lộ trú.
 Thạch trung chi tinh lương công ngộ
 Tùy hình ma trắc xảo chế thành.
 Ngã kim nhất kiến diệc như cố
 Ưc thị Đế Hồng chi di trân,

抑是孔子之結鄰
廉隅方整無瑕玷
讒邪不污稱德人
明窗遣興試謄繕
呵水,漫漬天液衍
殺墨如夙淬筆鋒
滑乃膏油光雷電
紅絲青鐵,可奴僕
銅瓦,汾泥非比侔
為天下冠聲價重
褒獎宜拜即墨侯
文字之祥禎應早
國運大亨興治道
扶持世教著功深
永傳子孫守此寶
嗣德戊申吉月日恭鐫
文字之祥,嗣德經筵之寶
御製詩

Ức thị Khổng Tử chi Kết Lân.
Liêm ngưng phương chỉnh vô hà điếm,
Sàm tà bất ô xưng đức nhân
Minh song khiển hứng thí đẳng thiện,
Hà thủy mạn tỹ, thiên dịch diễn
Sái mặc như túc thối bút phong
Hoạt nãi cao du quang lôi điện.
Hồng ty, Thanh thiết khả nô bộc,
Đồng ngỗa, Phần nê phi tỹ mầu,
Vĩ thiên hạ quán, thanh giá trọng
Bao tường nghi bái Tức Mặc Hầu.
Văn tự chi tường trình ứng tảo
Quốc vận đại hanh hưng trị đạo;
Phù trì thể giáo trứ công thâm.
Vĩnh truyền tử tôn thủ thử bảo.
Tự Đức Mậu Thân cát nguyệt nhật cung tuyên.
Văn tự chi tường, Tự Đức Kinh diên chi bửu.
Ngự chế thi.

Dịch nghĩa

Nghiên đá Kinh Diên⁽¹⁾ Đoan Khê⁽²⁾

Vốn tính ham học, mến văn chương,

Say mê bút mực chuyện ngày thường

Văn phòng Tứ bảo⁽³⁾ ba khá thích,

⁽¹⁾ Kinh diên 經筵: Hội họp để bàn luận, giảng giải kinh sử. Kinh diên khởi sự từ đời Tống ở Trung Quốc. Vua thường tổ chức và cùng tham dự với các quan. Đến đời Minh, mỗi năm tổ chức hai lần Kinh diên vào tháng Hai và tháng Tám. Triều nhà Nguyễn cũng phỏng theo như thế.

⁽²⁾ Đoan Khê 端溪 là tên huyện ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Phía đông huyện này có khe Đoan Khê. Nơi này có đá mà từ thời Đường, Tống đã lấy để làm nghiên mực.

⁽³⁾ Tứ bút, nghiên, giấy, mực.

Chỉ mình nghiên mực là đáng tiếc
 Tô trúc, Thương bích⁽⁴⁾ hiếm ở đời,
 Nước khô mực quánh bút khó dời.
 Nghe nói Đoan Khê loại đặc dị
 Muốn mà chưa có, còn lưu ý.
 Bồng chốc từ đông tòa khí lạnh⁽⁵⁾
 Ráng mây rực rỡ phù hình thành.
 Trên la văn⁽⁶⁾ nét cổ đơn sơ
 Giải bày ý tưởng, tỏ anh tài
 Thường thức lòng càng thêm thân ái.
 Sau trước tính ra hơn chín tắc,
 Hộp ngọc cứng dày rất vững chắc
 Chẳng rành niên đại sớm hay xưa.
 Chỗ khắc lâu đài, chỗ biển núi,
 Cừu lão nhìn tranh cùng nói cười,
 Có ông đứng mãi cảm tượng lê.
 Đục ngọc chạm mây, rất kỳ diệu.
 Xanh tím lẫn nhau đúng sắc gan,
 Trong ngoài tòa động khí thu hàn.
 Ở giữa có năm cù đục nhãn⁽⁷⁾
 Đáng tựa Tâm Phòng⁽⁸⁾ tạo nên hình
 Núi đầm Phủ Kha⁽⁹⁾ nơi cò đậu.⁽¹⁰⁾

- ⁽⁴⁾ Nguyên văn dùng hai từ Tô trúc 蘇竹 và Thương bích 蒼璧. Tô trúc là loại tre lớn ở Lĩnh Nam mà người ta thường dùng để làm nghiên đựng mực. Còn Thương bích tương truyền là viên ngọc xanh mà Tô Đông Pha đời Tống tìm được trong trứng thiên nga, dùng làm nghiên mực. Hai từ Tô trúc, Thương bích dùng để chỉ nghiên mực.
- ⁽⁵⁾ Nói đến việc đời Chu, quan Lệnh doãn lên lầu nhìn bốn phía thấy ở phía đông có từ khí (chỉ khí màu tím, tượng đế vương) từ đông qua tây, mừng nói “ứng với Thánh nhân qua ấp này”. Đến kỳ trai giới, thì ngày đó quả có Lão Tử đến. Ở đây có nghĩa là điềm lành. Ý nói may mắn có được cái nghiên đẹp.
- ⁽⁶⁾ La văn 羅紋 cũng viết là 羅文 là nghiên mực với đá có thớ hình tròn. Trong Nghiên sử có dẫn phần Biện Hấp Thạch Thuyết: “Huyện Kỳ Môn sản xuất loại đá có thớ mịn, rất giống nê tương thạch (đá bùn), cũng có thớ hình tròn nhưng thớ đá không quá dày, không cứng lắm, màu nhạt, dễ khô”. Từ La văn ở đây cũng dùng để chỉ nghiên mực.
- ⁽⁷⁾ Cù đục 鵲眼 là loài chim thân đen, cánh có điểm trắng, thường làm tổ trong hốc cây hoặc trên nóc nhà, có khả năng bắt chước tiếng người. Cù đục nhãn 鵲眼 là những chấm trên đá, lớn thì như đồng tiền, nhỏ thì bằng hạt cải, bên ngoài còn vô số quầng. Loại nhãn trong có điểm đen, rất sống động được xếp hạng nhất. Thực ra đó chỉ là những vết của đá. Liều Công quyền đời Đường luận về nghiên đá có viết: “Chỗ chứa nước có những điểm màu sắc đỏ, trắng, vàng gọi là cù đục nhãn”. Trong sách Nghiên phổ có ghi: “Đá ở Đoan Khê có cù đục nhãn màu vàng đen xen lẫn, óng ánh rất đẹp, linh hoạt như con mắt”.
- ⁽⁸⁾ Tâm 心 và Phòng 房 là hai sao trong Nhị thập bát tú, thuộc vào chòm Thanh Long nằm ở phương nam. Sao Tâm gồm ba sao, sao Phòng gồm hai sao.
- ⁽⁹⁾ Phủ Kha 斧柯 là tên vùng sản xuất nghiên mực Đoan Khê. Tuy cùng trên một khe, nhưng nghiên lấy ở Phủ Kha là loại tốt nhất. Tương truyền, loại lớn kích thước cũng không quá ba bốn ngón tay. Đá Phủ Kha làm nghiên thì chỉ cần hà một hai hơi là nước bắn nhỏ giọt thấm ra ngoài. Vì vậy làm nghiên rất quý.
- ⁽¹⁰⁾ Chỉ phần lõm phía trên nghiên, dùng để chứa nước.

Thợ đá⁽¹¹⁾ khéo tay tìm thấy được
 Theo thể dũa mài để tạo nên.
 Nay ta gặp lại như người cũ
 Vật quý Đế Hồng⁽¹²⁾ còn được giữ
 Hay ấy Kết Lân⁽¹³⁾ thời Khổng Tử.
 Góc cạnh vuông vắn chẳng vết tì,
 Khó mà chê, hợp người nhiều đức
 Cảm hứng bên song thử mấy hàng,
 Hà hơi khắp, thiên dịch⁽¹⁴⁾ tỏa lan
 Mực có sẵn thấm ngay ngọn bút.
 Đã tron láng mà màu long lánh.
 Thanh thiết, Hồng ty,⁽¹⁵⁾ chỉ nô tài,
 Đồng ngỗ, Phần nê đủ sánh đâu,⁽¹⁶⁾
 Quán quân thiên hạ nêu cao giá,
 Tặng thưởng bên phong Túc Mặc Hầu,⁽¹⁷⁾
 Văn tự diễm lành cho sớm ứng
 Vận nước hanh thông, đạo thịnh hưng,
 Giúp phò thế giáo, lập công sâu.
 Truyền cho con cháu gìn giữ mãi.
Tự Đức năm Mậu Thân (1848) ngày tháng tốt, kính khắc.
 (Ấn) VĂN TỰ CHI TƯỜNG (May mắn của văn chương) -
 TỰ ĐỨC KINH DIỄN CHI BỬU (Ấn dùng chỗ Kinh diễn thời Tự Đức)
 Thơ ngự chế⁽¹⁸⁾

⁽¹¹⁾ Nguyên văn dùng từ Thạch trung, tức là Thạch hư trung 石虛中 có nghĩa là nghiên mực.

⁽¹²⁾ Hoàng Đế (2698 trước TL) ở Trung Quốc, họ Đế Hồng 帝鴻 (còn gọi là Hữu Hùng). Hoàng Đế được ngọc, cho chế thành nghiên mực gọi là Đế Hồng nghiên.

⁽¹³⁾ Kết Lân 結鄰 là tên của cái nghiên. Lý Vệ Công đời Đường có nhiều nghiên, trong đó cái đẹp nhất có tên là Kết Lân.

⁽¹⁴⁾ Nguyên văn là “thiên dịch” chỉ nước từ trời, ý nói quý báu.

⁽¹⁵⁾ Hồng Ty 紅絲: Loại nghiên sản xuất tại huyện Ích Đô, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Loại nghiên này có thể tạo ra mực, chất vàng đỏ, trên mặt đá có đường tơ đỏ óng ánh, nên mới gọi là hồng ty. Trong Nghiên phổ của Tô Dị Giản có viết: “Nghiên trong thiên hạ có hơn 40 loại. Hồng ty ở Thanh Châu thuộc hạng nhất; Phủ Kha ở Đoan Châu thuộc hạng hai; Long Vỹ ở Hấp Châu thuộc hạng ba.

Thanh thiết 青鐵: Có nghĩa sắt màu xanh, là tên nghiên mực. Sách Thập Di Ký ghi: “Trương Hoa dâng sách Bắc Vật Chí, vua Vũ Đế nhà Tấn ban cho nghiên. Loại sắt này sản xuất ở nước Vu Diên, dâng lên vua Tấn rồi chế thành nghiên mực.

⁽¹⁶⁾ Đồng ngỗ 銅佢: Kiến trúc ngày xưa dùng tám đồng để làm ngôi lợp. Trong Hán Vũ Cổ Sự có câu: “Khởi thần ốc, dĩ đồng vi ngỗ” (Dựng nhà lớn lấy đồng làm ngôi). Về sau từ này dùng để chỉ loại ngôi cổ.

Phần nê 汾泥: Phần là tên con sông thuộc huyện Ninh Vũ tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Nê là bùn. Người ở vùng này lấy bùn bọc lụa ngâm dưới nước, được một năm thì mang lên, rồi chế thành nghiên mực.

⁽¹⁷⁾ Túc phong tước Hầu. Túc mặc 即墨 có nghĩa là “có mực ngay”.

⁽¹⁸⁾ Ghi chú của người dịch: Bài thơ trên nghiên này viết theo lối cổ với nghĩa quá súc tích, dùng nhiều điển tích và nhiều từ cần hiểu theo nghĩa bóng, không thể dịch sát theo các từ trong bài được. Vì là thơ nên câu xem có vẻ tối nghĩa. Lại viết về nghiên mực mà chỉ có nhắc ở đề bài, còn toàn bài không hề dùng đến chữ “nghiên” mà người đọc phải hiểu là tả cái nghiên. Chính vì thế bài dịch chỉ mong diễn được một phần nào ý nghĩa của bài thơ.

TÓM TẮT

Theo sử sách truyền lại, nhà Nguyễn có hai chiếc nghiên mực quý, một của vua Thiệu Trị và một của vua Tự Đức, cả hai chiếc đều được phong là Tứ C Mặ Hầu. Tiếc là cả hai món báu vật này hiện nay đã thất lạc, không biết là còn hay mất, hay đã lưu lạc về đâu ? Đã có một số bài viết đề cập đến hai chiếc nghiên cổ thời Nguyễn, với không ít chi tiết ly kỳ về sự diệu dụng, về giá trị nghệ thuật, kèm theo một số giả thuyết theo hướng “âm mưu” (conspiracy theory), gây tranh luận về sự thất tung của cổ vật. Bài viết này nêu lên những chi tiết sai sót hoặc bất hợp lý trong các công trình ấy, qua đó giúp người đọc hiểu được giá trị thật sự của hai chiếc nghiên mực quý thời Nguyễn.

ABSTRACT

ON TWO PRECIOUS INK SLABS OF KINGS THIỆU TRỊ AND TỰ ĐỨC

According to historical records, there were two precious ink slabs belonged to the Nguyễn Kings, one of Thiệu Trị and the other of Tự Đức, both of which were named Tứ C Mặ Hầu (Tứ C Mặ Marquis). Unfortunately, both of them were lost. There have been a number of articles mentioning these two ancient ink slabs under the Nguyễn Dynasty, with thrilling details about their magical uses, and art values, along with some theories in the direction of “conspiracy theory”, causing debate about their loss. This article is aimed to raise erroneous or illogical details in these works to make it clear for us about their values.